TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày 30 /7/2024
Về tranh chấp
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Đình Hợp

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Long và bà Lê Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 30/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1966

Bị đơn: - Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1974
- Ông Hà Duyên D, sinh năm 1964

Các đương sự đều cư trú tại: Xóm D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Hoàng Thị B có mặt, ông Hà Duyên D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện bà Hà Thị Hoa trình bày:

Tháng 12 năm 2014 vợ chồng bà B ông D vay bà 04 lần tiền, lần 1 ngày 03/12/2014 vay 50.000.000đ, lần 2 ngày 05/12/2014 vay 50.000.000đ, lần 3 ngày 15/12/2014 vay 20.000.000đ và lần 4 ngày 26/12/2014 vay tiếp 30.000.000đ, tổng số tiền hai bên chốt nợ đến ngày 26/12/2014 bà B ông Di đã vay của bà là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), giấy biên nhận chốt nợ do chính bà Bích viết ông D bà B đều ký ghi ghi rõ họ tên, hai bên thỏa

thuận miệng khi nào bà H cần thì thông báo vợ chồng bà B sẽ trả đầy đủ.

Năm 2015 bà H làm nhà đã đến đòi nhiều lần thì vợ chồng bà B trả 4 lần được 60.000.000đ, cụ thể ngày 23/5/2015 trả 20.000.000đ, ngày 16/6/2015 trả 10.000.000đ, ngày 15/7/2015 trả được 20.000.000đ và ngày 20/10/2015 trả được 10.000.000đ, từ dó đến nay vợ chồng bà B không trả thêm cho đồng nào nữa, bà H đã nhiều lần đến đòi và nhờ Công an xã Hợp Thành quyết, tại Công an xã Hợp Thành vợ chồng bà B hứa trả dần mỗi tháng 5.000.000đ, nhưng bên vay vẫn chây ỳ không trả thêm đồng nào. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết buộc bị đơn bà Hoàng Thị B và ông Hà Duyên D phải trả nợ còn lại cho là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) bà không yêu cầu lãi xuất, nhưng yêu cầu bị đơn phải chịu lại xuất theo pháp luật, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn: Bà Hoàng Thị B, tại bản tự khai (BL 28), biên bản hòa giải (BL 35,36,40) và tại phiên tòa trình bày: Thừa nhận tháng 12/2024 vợ chồng bà có vay của bà H 04 lần tiền, tổng số tiền chốt đến ngày 26/12/2014 là 150.000.000đ, giấy chốt nợ ngày 26/12/2014 do chính bà viết, có chữ ký, họ tên cả hai vợ chồng, hai bên thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà H cần tiền thông báo vợ chồng bà B sẽ trả đầy đủ, từ năm 2015 đến nay bà H có đòi nợ nhiều lần, nhưng chúng tôi mới trả được 60.000.000đ, còn nợ lại 90.000.000đ là đúng, hiện nay do điều kiện gia đình tôi rất khó khăn, không có điều kiện để trả nợ, vợ chồng tôi xin bà H cho vợ chồng tôi ¾ số nợ bằng 67.500.000đ, còn ¼ nợ là 22.500.000đ, xin khất bà H đến năm 2036, vợ chồng tôi sẽ trả đủ cho bà H và đề nghị bà H chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

I.Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải đúng trình tự tố tụng.

*> Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên toà:

Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa được tiến hành xét xử công khai, liên tục, đúng thời gian, địa điểm và thành phần ghi trong quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, việc xét hỏi, thẩm tra các tài liệu chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa khách quan, danh nhiều thời gian cho các bên tranh luận.

*> Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Cơ bản các đương sự chấp hành các yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ kịp thời và có tính pháp lý, tại phiên tòa tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

II. **Về nội dung**:

- Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 418, 463,466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Hà Duyên D bà Hoàng Thị B phải trả cho nguyên đơn bà Hà Thị H số tiền gốc là 90.000.000đ và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà H không yêu cầu lãi xuất nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Hà Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị B và ông Hà Duyên D tra nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2014; Các đương sự đều đang cư trú tại xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn,tỉnh Thanh Hóa nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng vay tài sản ngày 26/12/2014. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến của các đương sự xác định trong tháng 12/2014 bà B có vay trực tiếp của bà H 04 lần tiền, lần 1 ngày 03/12/2014 vay 50.000.000đ, lần 2 ngày 05/12/2014 vay 50.000.000đ, lần 3 ngày 15/12/2014 vay 20.000.000đ và lần 4 ngày 26/12/2014 vay tiếp 30.000.000đ. Ngày 26/12/2014 hai bên chốt nợ tổng đến ngày 26/12/2014 là 150.000.000đ, giấy chốt nợ ngày 26/12/2014 do chính bà B viết, có chữ ký, chữ viết họ tên của vợ chồng bà Hoàng Thị B ông Hà Duyên D. Bà B trình bày mặc dù 04 lần vay tiền của bà H bà là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy vay nhưng mục đích vay tiền để sử dụng chung cho cả gia đình, ông D chồng bà biết và thống nhất vay, chốt đến ngày 26/12/2014, tổng là 150.000.000đ, vợ chồng bà đều ký ghi rõ họ tên và giấy vay. Như vậy đủ căn cứ xác định vợ chồng ông D bà B đã vay bà H số tiền 150.000.000đ, hai bên thỏa thuận, khi nào bà H cần thông báo bên vay sẽ trả nợ, năm 2015 bà H làm nhà cần tiền đã nhiều lần yêu cầu bà B ông D trả nợ, tính đến nay bên vay mới trả được 4 lần với số tiền 60.000.000đ, còn nợ lại 90.000.000đ, chưa thành toán quá trình giải quyết bà B thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền 90.000.000đ là đúng nhưng hiện nay điều kiện khó khăn xin bà H ¾ số nợ bằng 67.500.000đ, còn lại 22.500.000đ xin khất đến năm 2036 sẽ trả đủ và đề ghị bà H chịu toàn bộ án phí.

Như vậy việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2014 của các bên theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, tại thời điểm ký kết cũng

như hiện tại ông D bà B là vợ chồng (BL42) và số tiền vay được sử dụng chung cho gia đình nên cả hai vợ chồng phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho nguyên đơn là 150.000.000đ, đã trả được 60.000.000đ còn phải trả tiếp là 90.000.000đ, bà H không yêu cầu lãi xuất nên không xem xét, sau khi án có hiệu lực pháp luật nêu bên phải trả nợ, không trả đủ nợ phải chịu lãi xuất theo quy định của pháp luật, tương ứng với số tiền chậm trả

Đối với lời nại của bị đơn: Xin bà H ¾ số nợ số nợ, số tiền còn lại xin khất 10 năm sau sẽ trả và đề nghị nguyên đơn chịu toàn bộ án án phí, nhưng quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ xem xét lời nại này,

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/QH14, hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, khoản 3 Điều 144, Điều 271,273,280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 418, 463, 468 Bộ luật dân sự; điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hà Duyên D và bà Hoàng Thị B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hà Thị H số tiền gốc còn lại là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn ông Hà Duyên D và Hoàng Thi B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hà Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002847 ngày 26.3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn bà Bích có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn

ông Hà Duyên D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Lê Đình Hợp